

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/DS-ST

Ngày 22/8/2025

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Kiều

Ông Phạm Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Minh D, sinh năm 1987

Số cccd: 091087020126

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh A.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ông Ngô D, sinh năm 1951

Ông Ngô Quang T, sinh năm 1984. Cccd số: 091084021368

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã H, tỉnh A.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Đoàn Minh D trình bày như sau:*

Từ khoảng năm 2015 đến năm 2018, ông Ngô D và con là ông Ngô Quang T có nhiều lần đến mua vật tư nông nghiệp của ông.

Ngày 16/5/2019 ông D và ông T có ký nhận chốt lại số nợ tiền hàng còn thiếu là 113.141.000đ. Đến ngày 14/4/2022 ông T có trả được 20.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 93.141.000 đồng. Từ đó đến nay ông có nhiều lần liên hệ và tìm đến nhà để đòi số nợ này nhưng ông D và ông T chỉ hứa chứ không trả thêm đồng nào.

Nay ông D yêu cầu ông Ngô D và ông Ngô Quang T có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền mua phân còn nợ là 93.141.000đ. Do ông D và ông T chậm thanh toán nên ông yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền chậm trả là 10%/năm của số tiền gốc 93.141.000đ; tính từ ngày 16/5/2022 đến ngày 16/5/2025 là: $93.141.000đ \times 10\% \times 3 \text{ năm} = 27.942.000đ$. Tổng cộng gốc, lãi là: $93.141.000đ + 27.942.000đ = 121.083.000đ$ (một trăm hai mươi một triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng).

** Bị đơn ông Ngô Quang T trình bày:*

Ông thừa nhận gia đình ông có thiếu tiền phân của ông D số tiền 93.141.000 đồng.

Do làm ăn bị lỗ lã nên giờ gia đình không có khả năng trả 1 lần cho ông D. Nay ông T xin ông D tạo điều kiện cho ông trả dần mỗi vụ lúa 25.000.000 đồng và xin bỏ tiền lãi còn lại vì không có khả năng trả lãi thêm, gia đình cũng rất khó khăn.

** Tại phiên tòa:*

Ông Bùi Thanh H – người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn ông Ngô D và ông Ngô Quang T đã được triệu tập 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử giải quyết vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy:

Từ năm 2015-2018, ông Ngô D và ông Ngô Quang T có nhiều lần mua vật tư nông nghiệp của ông Đoàn Minh D. Tính đến ngày 14/4/2022 ông D và ông T còn nợ ông D số tiền là 93.141.000 đồng. Từ khi ký xác nhận nợ, cha con ông D không trả cho ông D thêm được lần nào. Tại phiên hoà giải ngày 01/8/2025, ông T thừa nhận còn nợ ông D số tiền phân bón 93.141.000 đồng nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Như vậy việc ông D và ông T mua phân nhưng không thanh toán hết tiền phân cho ông D là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D nên yêu cầu khởi kiện của Dương có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Xét về lãi suất: Do ông D và ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ông D yêu cầu tính lãi suất chậm trả 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. Cụ thể lãi suất là: $93.141.000đ \times 10\% / \text{năm} \times 3 \text{ năm} = 27.942.000đ$.

Tổng cộng gốc và lãi là: $93.141.000đ + 27.942.000đ = 121.083.000 \text{ đồng}$.

Từ những cơ sở trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Ngô D và ông Ngô Quang T phải chịu án phí DSST có giá ngạch trên số tiền buộc trả là 6.054.000 đồng. Do ông Ngô D là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí. Ông Ngô Quang T phải chịu án phí phần của mình là 3.027.000 (Ba triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

- Ông Đoàn Minh D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Minh D.

Buộc ông Ngô D và ông Ngô Quang T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đoàn Minh D số tiền gốc và lãi là 121.083.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu, không trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ngô D được miễn tiền án phí.

- Ông Ngô Quang T phải chịu án phí phần của mình là 3.027.000 (Ba triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

- Ông Đoàn Minh D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 3.027.000 đồng (Ba triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015960 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 - An Giang) do ông Bùi Thanh H nộp thay.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc